Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Núi Nhạn Sông Đà Phú Yên

Là cụm thắng cảnh đã để lại nhiều ấn tượng với du khách khi đặt chân đến Phú Yên. Núi Nhạn nằm bên bờ Bắc sông Đà Rằng, thuộc địa phận phường I, thành phố Tuy Hòa. Núi Nhạn còn có tên gọi khác là "Núi Bảo Tháp" hoặc "Tháp Dinh". Đứng ở độ cao 64 m trên đỉnh Núi Nhạn, ta có thể bao quát một vùng non nước Phú Yên với toàn cảnh thành phố Tuy Hoà, làng hoa Bình Ngọc, núi Đá Bia, Biển Đông và hai chiếc Cầu đường sắt và đường bộ dài 1.100 m bắt song song qua sông Đà Rằng.

Trên đỉnh Núi Nhạn có Tháp Chàm cổ kính, còn có tên gọi là Tháp Nhạn được người Chiêm Thành xây dựng vào khoảng thế kỷ 11. Tháp có cấu trúc khối hình chóp vuông vững chắc cao 25m, gồm tất cả 4 tầng thu nhỏ dần khi lên cao.
Núi Nhạn nằm một góc giữa chỏm cắt của QL1A và nhánh sông Chùa thuộc phường Bình Nhạn nay gọi là phường I thành phố Tuy Hoà. Núi cao 60 mét so với mặt nước biển, có đường chu vi quanh núi khoảng trên 1 km. Núi Nhạn có hình thế xoè ra như hình con chim nhạn xoè đôi cánh, với phần đầu là chỗ giao nhau giữa QL1A và sông Chùa, cổ thon nhỏ lại rồi phình to ra như đôi cánh chim ở phần đường Tản Đà, vì vậy nên mới có tên gọi này. Cũng có người cho rằng, ngày xưa núi này như một cù lao nhỏ nằm trong vịnh Tuy Hoà (biển ăn sát đến tận chân dãy Trường Sơn), là nơi để loài chim nhạn làm tổ, trú ẩn. Sau này, vịnh dần dần được bồi lấp tạo nên đồng bằng rộng lớn nối liền cù lao Nhạn với đất liền. Trên núi Nhạn có rất nhiều cây cối rậm rạp, đặc biệt là mai rừng nở vàng vào mùa xuân và mùa hạ, ở phía đông-nam gần sông Chùa có một trảng sim nhỏ, đến mùa hoa sim nở tím cả một vùng. Trên núi có nhiều loài chim như nhạn, cò và đặc biệt là rất nhiều khỉ. Mãi đến năm 1961, khỉ vẫn sống từng đàn trên núi này cho đến khi chiến tranh ác liệt nổ ra, quân đội Sài Gòn cho đóng đồn và đặt súng đại bác trên núi ngày đêm bắn phá các vùng căn cứ, yểm trợ cho các cuộc hành quân nên khỉ đã bỏ về rừng núi đại ngàn, chim chóc cũng di trú nơi khác, cây cối bị đốn chặt phát quang để phục vụ

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

cho tầm quan sát quân sự.
Trên núi Nhạn có một ngôi tháp do người Chăm xây dựng vào thế kỷ thứ XII (cũng có tài liệu nói là xây vào thế kỷ XIV). Tháp có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh 10 mét, cao trên 20 mét có đế móng, thân và mái là những gờ gạch xây nhô ra bên ngoài. Trong tập "Gìn giữ những kiến trúc kiệt tác trong nền văn hóa Chăm" của nhóm tác giả Lưu Trần Tiêu, Ngô Văn Doanh, Nguyễn Quốc Hùng do nhà xuất bản Văn hoá dân tộc ấn hành năm 2002 thì tháp có 4 tầng, càng lên cao càng thu nhỏ lại, nhưng mô hình và cách thức trang trí từ dưới lên đều giống nhau. Nóc của tháp gồm nhiều lớp xếp, phần chóp được cấu tạo bằng phiến đá nguyên tảng (đã qua đẽo gọt) có hình búp sen cân đều. Đó là biểu tượng Linga của người Chăm. Trên đỉnh tháp, bốn mặt đều có bốn cửa sổ giả, tách biệt giữa phần trên và tầng dưới. Cửa chính ở hướng Đông, phần trên cửa hình vòm, xây cuốn theo kiểu giật cấp. Những hàng gạch bên trên hơi chồm ra so với hàng gạch dưới. Càng lên cao thì chồm ra ít hơn cho đến khi khép kín vòm.
So với nhiều tháp khác của người Chăm ở Bình Định, Khánh Hoà, Phan Rang hay Mỹ Sơn thì ngọn tháp trên núi Nhạn, bên trong không có tượng thờ cũng như những hoa văn, họa tiết trang trí; duy nhất chỉ thấy những họa tiết hoa văn hình rồng được chạm khắc biến dạng đi hay cách điệu bằng đá hoa cương đặt bên ngoài góc tháp.
Bên trong tháp, tường xây thẳng đứng cao vút từ phần đế tháp cho đến hết phần thân. Phần mái, tường được thu nhỏ dần cho đến đỉnh, tạo thành hình chóp nón. Trong lòng tháp không có bệ thờ, không có tượng. Từ lâu đời, khoảng thời Hậu Lê, nhân dân xây một cái am nhỏ phía trước để thờ bà Thượng Đỉnh Chúa Thiết A Na Diễn Ngọc Phi. Thời chống Pháp am thờ này bị đập phá. Sau này miếu được xây dựng lại trên nền cũ có đề bốn chữ "Thượng Đỉnh Linh Miếu".
Về nghệ thuật tạo hình, thân tháp có tạc tượng thần và những chiếc cột băng gạch xếp chồng đều nhau thẳng như kẽ chỉ, tạo thành những đường gờ nhô ra để khi trông vào không có cảm giác nặng nề và đơn điệu của một hình khối đồ sộ.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Vật liệu xây dựng tháp đều bằng gạch nung với nhiều kích cỡ khác nhau tuỳ theo vị trí của từng mảng tường, từng tầng tháp và được xếp liền khít, không thấy mạch hồ song kết dính rất vững chắc. Người ta khó mà biết được kích cỡ của từng viên gạch, nếu không nhờ vào những nơi bị sứt mẻ, bị ngã đổ. Có nhiều viên hình chữ nhật kích thước 40 x 20 x 7 cm. Trụ và xà ngang của cửa chính là khối đá vôi mềm dễ đẽo gọt, đục chạm. Bốn bên mặt ngoài thân tháp có những cột xây áp vào thân tháp mà mục đích có thể là để gia cố cho tháp được vững chắc. Bắt đầu cuốn lên mái, ở bốn góc bên ngoài thân tháp (đoạn tiếp giữa thân tháp và mái) đều được xây nhô ra những trụ hình chóp có kích cỡ rất nhỏ.

Người Pháp gọi núi Nhạn là núi Khỉ (Montagne des Singes) vì không chỉ trên núi có nhiều khỉ mà chúng còn rất khôn, sống thành bầy đoàn, sẵn sàng hợp quần chống đỡ lại sự đe doạ từ nhiều phía tới, cũng biết trả thù nếu có ai đó làm cho một con trong đàn bị thương hay bị bắt. Xưa, phía bên soi Ngọc Lãng thường trồng bắp, con đầu đàn cho một toán nhỏ canh giữ hai phía đầu cầu sông Chùa rồi chính nó đích thân đưa cả bầy luồn vào đám bắp bẻ và mang lên núi. Những khu dân cư sống quanh chân núi Nhạn đều phải cất giữ rất cẩn thận mọi thức ăn đồ uống, hễ sơ hở là chúng lần vào mang đi mất, chúng hè nhau khiêng cả nồi hai cơm trèo lên vách núi, lấy cắp hoa quả cúng trên trang thờ…

Mạn đông-nam chân núi Nhạn có ngôi chùa Hàm Long nằm khuất sau chòm cây cổ thụ, lưng tựa vào vách núi đá lớn dựng đứng, cao ngất như muốn nhoài ra ôm choàng lấy ngôi chùa như một chiếc quạt khổng lồ xoè rộng. Chùa Hàm Long sau đổi tên là Kim Long tự và được vua Bảo Đại năm thứ 5 ban sắc tứ.

Dưới chân vách đá, bên cạnh chùa có một cái hang, đường kính chừng 3 mét xuyên vào lòng núi và ăn thông ra bờ sông. Các cụ ngày xưa cho đó là hàm của con rồng nên mới đặt tên chùa là Hàm Long. Theo truyền thuyết, hơn trăm năm về trước, cái hang này ăn thông ra bờ sông Chùa. Đã có người thử thả trái bưởi từ miệng hang, trái bưởi theo đường hầm trôi ra giữa dòng sông và nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Qua thời gian, do lũ lụt, mưa gió làm đất đá chài lấp dần cửa hang. (Năm 1994, Cty Du Lịch Phú Yên cho mở

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

lại cửa hang để phục vụ khách du lịch, nhưng công việc bị ngăn lại vì sợ ảnh hưởng đến nền móng của tháp Nhạn đứng bên trên).
Tháp được chạm khắc khá hài hoà, đường nét tinh xảo, mềm mại là bậc thầy của nghệ thuật kiến trúc thời bấy giờ và mãi mãi sau này. Ngọn tháp này tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc độc đáo của người Chăm, vừa mang vẻ đẹp hoành tráng vừa toát lên vẻ thanh thoát nhẹ nhàng tô điểm cho thành phố Tuy Hoà vẻ nên thơ.
Chung quanh việc xây dựng ngọn tháp trên núi Nhạn, có nhiều truyền thuyết khá thú vị: thuở ấy có ông Lương Phù Già (tức Lương Văn Chánh) giao tranh với quân Chiêm Thành. Chiến trường diễn ra ở phần đất thành phố Tuy Hoà ngày nay. Quân của ông Phù Già đóng ở núi Nựu (Nựu Sơn), quân Chiêm đóng ở núi Nhạn để cố thủ. Giao tranh lâu ngày nhưng không phân thắng bại. Để tránh đổ máu gây tang tóc cho lương dân, hai bên giao ước với nhau sẽ cùng xây tháp, tháp của bên nào xây to hơn, nhanh hơn là bên đó thắng, bên kia phải rút quân khỏi phần đất Phú Yên. Địa điểm được hai bên lựa chọn là quân Chăm trên núi Nhạn, quân ông Phù Già trên núi Cổ Rùa, một phần nhô ra của núi Nựu.
Quân ông Phù Già cho quân lính chặt tre, chẻ thành sợi mỏng và đan thành những tấm như tấm phên, phất giấy, bôi sơn rồi ghép lại vào các rường cây thành ngôi tháp cao to đến trăm trượng, phải ngửa mặt mới trông thấy đỉnh, từ đầu chân tháp bên này ngó qua bên kia con người chỉ bằng hột bắp (!?). Quân Chăm dốc toàn sức lực ngày đêm xây đắp cho đến khi sắp hoàn thành thì ngọn tháp của ông Phù Gìa đã hoàn thành, sừng sững một góc trời rất hoành tráng. Quân Chăm đành phải chấp nhận thua cuộc. Để tránh những hậu hoạ có thể xảy ra (như dùng ngôi tháp làm nơi cố thủ), ông Phù Già thách thức Chiêm Thành đốt tháp. Tháp bên nào cháy trước thì bên đó thắng cuộc và bên kia phải rút binh ra cách xa phần đất ước hẹn trước đây 300 dặm (!?). Quân Chăm y hẹn, cho quân sĩ mang cây khô, bổi chà chất quanh tháp tầng tầng lớp lớp rồi nổi lửa đốt. Cột lửa bên núi Nhạn cao ngất trời, cháy từ ngày này qua tháng khác nhưng tháp vẫn cứ đứng vững như trụ đồng, trong khi đó tháp của ông Phù Già chỉ cháy một đêm, sáng ra tháp biến mất. Lương Văn Chánh mang đại quân đến chân núi Nhạn

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

buộc quân Chăm phải thực hiện điều đã ấn định, quân Chăm đành phải rút quân qua khỏi bên kia đèo Cả.
Ngày nay, cụm thắng cảnh "Núi Nhạn – Sông Đà" đã trở thành biểu tượng của Phú Yên và Tháp Nhạn đã được Bộ Văn hoá Thông tin công nhận là Di tích Kiến trúc - Nghệ thuật cấp Quốc gia.
Hàng năm vào dịp lễ, Tết, trên núi Nhạn có tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, vui chơi giải trí ….. Đặc biệt vào rằm tháng Giêng Âm lịch hàng năm, nơi đây diễn ra đêm thơ Nguyên tiêu thu hút đông đảo văn nghệ sĩ và du khách gần xa.

TRUYỀN THUYẾT:
Về quá trình hình thành núi, truyền thuyết kể rằng, thuở xa xưa đất Tuy Hoà là một vùng đầm lầy trũng thấp, là nơi cư trú của nhiều loài thuỷ sinh và mãnh thú hung dữ. Đời sống của người dân luôn bị đe doạ. Và để tạo nên một cảnh sống mới, an toàn hơn về mọi mặt, một ngày kia người khổng lồ do Trời sai xuống gánh núi lấp đầy vùng trũng và lấn ra phía biển Đông. Thiên sứ khổng lồ kia miệt mài gánh đất và núi, làm rơi vãi từng cụm nhỏ ở núi Miếu (Hoà Quang) và gành Đá (Hoà Thắng)… và chẳng bao lâu thì lấp đầy cả cánh đồng Tuy Hoà bây giờ. Đến lượt bắt đầu lấn biển, vị thiên sứ kia gắng làm cho xong để sớm trở về trời nên đã gánh núi nặng gấp hai ba lần, đến nỗi khi gần tới biển, chiếc đòn gánh gãy đôi làm rơi xuống hai cụm núi là núi Nhạn và Chóp Chài. Đòn gánh gãy đồng nghĩa với công việc "xẻ núi lấp sông" không thể tiếp tục được nữa và thiên sứ khổng lồ nọ đành ngậm ngùi quay về Trời, chưa tạo được những cụm núi chắn sóng ngoài mạn biển xa.
Câu chuyện huyền thoại này được truyền tụng từ khá lâu và có nhiều chi tiết khác nhau, nhưng nội dung chính là hai hòn núi Chóp Chài và núi Nhạn là do người khổng lồ làm gãy đòn gánh mà rơi xuống.
Trên núi Nhạn có rất nhiều cây cối rậm rạp, đặc biệt là mai rừng nở vàng vào mùa xuân và mùa hạ, ở phía Đông-Nam gần sông Chùa có một trảng sim nhỏ, đến mùa hoa sim nở tím cả một vùng. Trên núi có nhiều loài chim như nhạn, cò và đặc biệt là rất nhiều khỉ. Mãi đến năm 1961, khỉ vẫn sống từng đàn trên núi này cho

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

đến khi chiến tranh ác liệt nổ ra, quân đội Sài Gòn cho đóng đồn và đặt súng đại bác trên núi ngày đêm bắn phá các vùng căn cứ, yểm trợ cho các cuộc hành quân nên khỉ đã bỏ về rừng núi đại ngàn, chim chóc cũng di trú nơi khác, cây cối bị đốn chặt phát quang để phục vụ cho tầm quan sát quân sự.

Đứng ở độ cao 64 m trên đỉnh núi Nhạn, du khách có thể bao quát một vùng non nước Phú Yên với toàn cảnh thành phố Tuy Hoà, làng hoa Bình Ngọc, núi Đá Bia, biển Đông và hai chiếc Cầu đường sắt và đường bộ dài 1.100 m bắt song song qua sông Đà Rằng. Trên đỉnh núi Nhạn có Tháp Chàm cổ kính, còn có tên gọi là Tháp Nhạn được người Chiêm Thành xây dựng.

Mạn Đông-Nam chân núi Nhạn có ngôi chùa Hàm Long nằm khuất sau chòm cây cổ thụ, lưng tựa vào vách núi đá lớn dựng đứng, cao ngất như muốn nhoài ra ôm choàng lấy ngôi chùa như một chiếc quạt khổng lồ xoè rộng. Chùa Hàm Long sau đổi tên là Kim Long tự và được vua Bảo Đại năm thứ 5 ban sắc tứ. Dưới chân vách đá, bên cạnh chùa có một cái hang, đường kính chừng 3 mét xuyên vào lòng núi và ăn thông ra bờ sông. Các cụ ngày xưa cho đó là hàm của con rồng nên mới đặt tên chùa là Hàm Long. Theo truyền thuyết, hơn trăm năm về trước, cái hang này ăn thông ra bờ sông Chùa. Đã có người thử thả trái bưởi từ miệng hang, trái bưởi theo đường hầm trôi ra giữa dòng sông và nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Qua thời gian, do lũ lụt, mưa gió làm đất đá chài lấp dần cửa hang.

Ngày nay, cụm thắng cảnh "Núi Nhạn – Sông Đà" đã trở thành biểu tượng của Phú Yên và Tháp Nhạn đã được công nhận là Di tích Kiến trúc - Nghệ thuật cấp Quốc gia. Hàng năm vào dịp lễ, Tết, trên núi Nhạn có tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, vui chơi giải trí ….. Đặc biệt vào rằm tháng Giêng Âm lịch hàng năm, nơi đây diễn ra đêm thơ Nguyên tiêu thu hút đông đảo văn nghệ sĩ và du khách gần xa.

Nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội khi dừng chân bên núi Nhạn đã không tiếc lời ca ngợi vẻ đẹp của Tuy Hoà và con người Phú Yên:

Nửa thế kỷ rồi qua Phú Yên

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Sông Đà núi Nhạn nước non tiên
Bài thơ tương thức tình tương ngộ
Trọng nghĩa tư giao quý bạn hiền

Còn ông Huỳnh Khinh, thi sĩ của quê hương núi Nhạn sông Đà đã có thơ khi trở lại quê hương sau những ngày khói lửa chiến tranh

Lên chơi núi Nhạn buổi tà dương
Phong cảnh nhìn xem đẹp lạ thường
Trước mặt mây hồng vờn biển bạc
Sau lưng gác tía gợn tia vàng.

Sông Đà Rằng Phú Yên

Có diện tích lưu vực 13.900km2 và chiều dài dòng chính là 388 km, là một dòng sông chảy hoàn toàn trong lãnh thổ nước ta. Bắt nguồn từ sườn núi Công Ca Kinh (1761) và Kông Plông (1376). Sông Đà Rằng thoạt tiên chảy theo hướng bắc – nam cho đến Cheo Reo là cửa phụ lưu Ay jun, từ đây sông chảy theo hướng tây bắc – đông nam cho đến Củng Sơn thì chảy theo hướng tây đông để đổ ra biển ở cửa Đà Diệt (thị xã Tuy Hòa) một cửa sông rất rộng. Sông Đà Rằng có những sông quan trọng như: Ay jun dài 175km với diện tích lưu vực 2950km2, sông Krông Hơnăng dài 130km với diện tích lưu vực là 1840km2, và sông Hinh dài 88km với diện tích lưu vực 1040km2.

Thủy chế của con sông Đà Rằng mang tính chất của con sông miền Trung Trung Bộ, là có lũ tiểu mãn và mùa lũ ngắn, chậm. Mùa lũ tiểu mãn vào các tháng 6 – 7còn mùa lũ chính vào các tháng 9, 10, 11, 12. Lượng nước mùa lũ chiếm khoảng 70% tổng lượng nước năm và tháng có lưu lượng lớn nhất là tháng 11 thì đã chiếm 28,5% bằng lượng nước 8 tháng mùa khô từ tháng 1 – 8. Tháng kiệt nhất là tháng 4 có lượng nước chỉ bằng 1,4% tổng lượng. Thủy chế sông Đà Rằng rất khắc nghiệt, cho nên ngay từ 1928 đã phải cho xây dựng đập Đồng Cam để lấy nước ngọt tưới cho các cánh đồng ở Phú Yên.